

THÁCH THỨC KHI ÁP DỤNG GIÁ TRỊ HỢP LÝ TẠI CÁC QUỐC GIA ĐANG PHÁT TRIỂN

Ths. Nguyễn Thị Bình*

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) đã trở thành xu hướng tất yếu. Theo IFRS Foundation, rất nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đã áp dụng hoặc cam kết áp dụng IFRS, nhằm nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và chất lượng thông tin tài chính. Trong hệ thống IFRS, giá trị hợp lý đóng vai trò then chốt, không chỉ là một phương pháp đo lường mà còn phản ánh chính xác hơn thực trạng tài chính của doanh nghiệp so với các phương pháp truyền thống như giá gốc. Tuy nhiên, việc áp dụng giá trị hợp lý không phải lúc nào cũng dễ dàng, đặc biệt tại các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam. Trong phạm vi bài tham luận này, tác giả sẽ phân tích vị trí và vai trò của giá trị hợp lý trong IFRS, đồng thời làm rõ những khó khăn và thách thức khi áp dụng phương pháp đo lường này tại các nền kinh tế đang phát triển.

• Từ khóa: kế toán quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, báo cáo tài chính, IFRS, giá trị hợp lý, IFRS 13.

Reporting Standards (IFRS) has become an inevitable trend. According to the IFRS Foundation, numerous countries and territories worldwide have adopted or committed to adopting IFRS to enhance transparency, comparability, and the quality of financial information. Within the IFRS framework, fair value plays a pivotal role, serving not only as a measurement basis but also as a more accurate reflection of a company's financial position compared to traditional methods such as historical cost. However, the application of fair value is not always straightforward, particularly in developing economies like Vietnam. In this paper, the author will analyze the position and role of fair value in IFRS while also highlighting the challenges and difficulties associated with implementing this measurement basis in developing economies.

• Key words: international accounting, IFRS, financial reportings, fair value, IFRS 13.

thông tin công khai (tức là các công ty niêm yết và tổ chức tài chính) trên thị trường tài chính. Ở 22 quốc gia còn lại, có 13 quốc gia đã cho phép (thay vì bắt buộc) áp dụng IFRS như Bermuda, Honduras, Nhật Bản, Panama, Paraguay, Thụy Sĩ, Timor-Leste... Indonesia là quốc gia đang trong quá trình hội tụ các chuẩn mực quốc gia với IFRS. Còn lại là các nền kinh tế vẫn áp dụng chuẩn mực quốc gia, trong đó có đại diện là Việt Nam, Bolivia, Trung Quốc, Ai Cập, Ấn Độ, Macao, Mỹ. Nói tóm lại, sự phổ biến của IFRS trên toàn cầu là xu hướng rõ ràng, và Báo cáo tài chính được lập theo IFRS đã dần trở thành ngôn ngữ chung đối với người sử dụng BCTC toàn cầu, hướng tới việc sử dụng một phương thức giao tiếp phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa, tạo ra một cơ sở tham khảo chung cho BCTC quốc tế. Trong khi đó, giá trị hợp lý được coi là cơ sở đo lường được áp dụng trong số lượng lớn chuẩn mực IFRS, do đó việc phổ biến áp dụng chuẩn mực này đồng nghĩa với sự phổ biến của giá trị hợp lý như một cơ sở đo lường kế toán.

Bảng 1: Tình hình áp dụng chuẩn mực IFRS trên thế giới

Khu vực	Số quốc gia áp dụng IFRS	Tỷ lệ %
Châu Âu	44	26%
Châu Phi	39	23%
Trung Đông	13	8%
Châu Á và Châu Đại Dương	35	21%
Châu Mỹ	37	22%
Tổng số	168	100%

Nguồn: Theo Báo cáo của IFRS Foundation, đến 12/2023

Ngày nhận bài: 27/4/2025

Ngày gửi phản biện: 03/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i298.10>

1. Giới thiệu về giá trị hợp lý trong hệ thống kế toán quốc tế

Theo báo cáo cập nhật đến 5/2023 của IFRS Foundation, đã có 160 trong số 168 quốc gia có cam kết tuân thủ Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế - IFRS. Trong số đó, 146 quốc gia hoặc khu vực pháp lý đã yêu cầu Chuẩn mực kế toán IFRS cho tất cả hoặc hầu hết các tổ chức chịu trách nhiệm công bố

* Học viện Ngân hàng

Quy định kế toán của Mỹ và Chuẩn mực BCTC quốc tế có những khác biệt rõ ràng trong định nghĩa, quan điểm cho đến phương pháp xác định giá trị hợp. Ban đầu, FASB định nghĩa giá trị hợp lý như là một cơ sở giá trị để xác định công cụ tài chính, là “số tiền mà công cụ tài chính đó có thể được trao đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên sẵn sàng, không phải trong một giao dịch bị ép buộc hoặc thanh lý” (FASB, 1991). Do đó, định nghĩa ban đầu này có giới hạn lớn khi gắn giá trị hợp lý với công cụ tài chính, và yêu cầu các công cụ này phải có thị trường giao dịch, hoặc nếu có thị trường thì có thể không hoạt động đầy đủ thì vẫn không thể đưa ra được ước tính giá trị hợp lý phù hợp.

Trên thực tế trong quá trình áp dụng giá trị hợp lý, có ba thước đo giá trị hợp lý chính từng được sử dụng:

(1) Giá trị đầu vào - là giá mua hoặc chi phí thay thế của tài sản trong trường hợp mức giá (price level) thay đổi.

(2) Giá đầu ra giá mà tài sản có thể được bán hoặc thanh lý.

(3) Giá trị sử dụng - giá trị lợi ích tăng thêm mà tài sản mang lại cho đơn vị.

Khi ước tính giá trị hợp lý, giá trị đầu ra (Exit value) dần được coi là ước tính phù hợp bởi vì mối quan tâm chính của người đọc BCTC là “báo cáo tài chính về tài sản hiện có của công ty chứ không phải tài sản sẽ được mua lại” (Barth và Landsman, 1995, 103). Vì vậy, định nghĩa về giá trị hợp lý nên được giải thích từ quan điểm của người bán (tức là giá trị đầu ra). Trong khi đó, cơ sở giá trị sử dụng còn chịu ảnh hưởng của kỹ năng quản lý và kỹ năng đó có thể được định lượng là sự khác biệt giữa giá trị sử dụng và giá trị thoát. Do tính chất chủ quan của giá trị sử dụng, số liệu như vậy sẽ khó thực hiện do cần phải kết hợp thông tin độc quyền hoặc nội bộ của đơn vị.

Còn theo quan điểm của IASB, ban đầu giá trị hợp lý thường được quan niệm rộng rãi là giá thị trường hiện tại. Tiếp đó, định nghĩa của giá trị hợp lý dần được hoàn thiện và được thể hiện vào năm 2006 trong các chuẩn mực như sau: giá trị hợp lý là “số tiền mà một tài sản có thể được trao đổi, một khoản nợ được thanh toán, hoặc một công cụ vốn được cấp có thể được trao đổi, giữa các bên có hiểu biết và thiện chí trong một giao dịch tự do” (IASB 2006, 2304). So sánh với định nghĩa về giá trị hợp lý của FASB trong giai đoạn này, được trình bày như sau: “Giá trị hợp lý là giá trị sẽ nhận được khi bán một tài sản hoặc trả để chuyển nhượng một khoản nợ trong một giao dịch có trật tự giữa những người tham gia thị trường tại ngày đo lường” (FASB 2006).

So với IFRS, thì trong định nghĩa của FASB có tham chiếu đến giá (price) thay vì số tiền (amount), điều này hợp lý hơn vì rõ ràng rằng chi phí giao dịch không được bao gồm trong giá trị hợp lý. Nếu chúng được đưa vào phép đo, thì mô tả chính xác, trong trường hợp tài sản, sẽ là “giá trị hợp lý, trừ đi chi phí bán”.

Tham chiếu đến số tiền nhận được khi bán một tài sản và khoản tiền phải trả khi chuyển nhượng một khoản nợ làm rõ việc lựa chọn thị trường, bằng cách chỉ định thị trường đầu ra/rút lui (exit market) thay vì thị trường gia nhập/đầu vào (entry market).

Trong cuộc họp chung của IASB và FASB vào tháng 10/2005, hai hội đồng đã thiết lập các mục tiêu dài hạn rõ ràng để cải thiện báo cáo tài chính cho các công cụ tài chính, giúp các hội đồng đánh giá và ưu tiên các dự án trong tương lai về các công cụ tài chính. Năm 2006, FASB đã ban hành một chuẩn mực FAS số 157, Đo lường giá trị hợp lý, cung cấp một định nghĩa thống nhất, duy nhất về giá trị hợp lý, từ đó thiết lập một khuôn khổ chung để phát triển các ước tính giá trị hợp lý và yêu cầu tiết lộ mở rộng về các ước tính cho cơ sở giá này. Định nghĩa trong Chuẩn mực này sau đó cũng hội tụ với chuẩn mực IFRS 13 được IASB ban hành sau này. Cụ thể, theo IFRS 13, giá trị hợp lý là “giá trị có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc phải trả khi chuyển giao một khoản nợ phải trả trong một giao dịch tự nguyện có tổ chức giữa các bên tham gia thị trường tại ngày xác định giá trị” ((Đoạn 9, IFRS 13).

2. Khó khăn và thách thức khi áp dụng giá trị hợp lý ở các nước đang phát triển

Hiện nay, việc áp dụng IFRS đã trở nên phổ biến và được coi là khuynh hướng tất yếu trong sự phát triển kế toán của nhiều quốc gia, và trở thành thách thức với các quốc gia đang phát triển và các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Một số vấn đề cần cân nhắc khi áp dụng giá trị hợp lý ở các quốc gia này như sau:

Thứ nhất là hạn chế về nguồn lực và vốn ở các doanh nghiệp

Các quốc gia đang phát triển thường tồn kém chi phí cao hơn nếu áp dụng kế toán giá trị hợp lý so với lợi ích trong cung cấp thông tin. Điều này đặc biệt là do sự thiếu các thị trường hoạt động và giá niêm yết. Do đó, doanh nghiệp cần áp dụng các kỹ thuật định giá. Một số khác thì tồn kém chi phí cho nhân sự để đưa các định giá đáng tin cậy. Mặt khác, nếu thuê chuyên gia ngoài thì chi phí càng gia tăng. Điều này có thể là một trong những lý do để cân nhắc việc áp dụng GTHL theo chuẩn mực IFRS 13 phiên bản đầy

đủ cho một số đơn vị có lợi ích công chúng, doanh nghiệp niêm yết.

Tiếp đó là khó khăn do các doanh nghiệp ở các quốc gia đang phát triển đối mặt với chi phí kiểm toán gia tăng khi áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày thông tin, bởi các kiểm toán viên sẽ phải đóng vai trò độc lập kiểm chứng lại các ước tính giá trị hợp lý của doanh nghiệp.

Thứ hai là về tranh cãi xung quanh tính hữu ích của thông tin

Các các doanh nghiệp ở các quốc gia trong các khảo sát cho rằng việc sử dụng thông tin giá trị hợp lý trong hoạt động quản lý doanh nghiệp còn hạn chế. Trong khi cơ sở giá này hữu ích với một số loại tài sản và nợ nhất định, hoặc có thể có ích với hoạt động quản trị nhưng ban quản trị hầu như không sử dụng cơ sở giá này trong việc ra quyết định của đơn vị. Các chủ doanh nghiệp chủ yếu sử dụng giá trị hợp lý khi:

- + Đánh giá giá trị của tài sản khi bán, hoặc khi mua (ví dụ khi cân nhắc mua các hợp đồng bảo hiểm)
- + Tham khảo giá hợp lý khi cần mua hàng
- + Đối chiếu và so sánh với giá hợp lý của đối thủ, từ đó điều chỉnh giá bán của đơn vị
- + Xem xét giá trị ròng của đơn vị khác khi cân nhắc mua bán sáp nhập.

Thêm vào đó, từ phía doanh nghiệp quy mô nhỏ chiếm số đông ở các quốc gia đang phát triển, bộ BCTC trình bày theo IFRS vẫn được thiên về mục đích cung cấp thông tin cho đối tượng bên ngoài, ví dụ phục vụ cho nhà đầu tư cổ phiếu và các chủ nợ, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm... Do đó, các nhà quản lý ít có động lực để sử dụng giá trị hợp lý trong đơn vị.

Thứ ba là những hạn chế về kỹ năng nghề nghiệp

Các đơn vị ở quốc gia phát triển thường cho rằng còn thiếu bộ phận định giá chuyên nghiệp cả bên trong lẫn bên ngoài doanh nghiệp, có thể định giá và ước tính giá trị hợp lý. Trên thị trường giao dịch một số quốc gia, giá đặt bán và mua không hề tồn tại. Thậm chí, ở một số nơi thị trường chỉ đơn thuần là nơi người bán và người mua xuất hiện cùng nhau, không có nhà môi giới lẫn sàn giao dịch, nơi thực hiện việc giao dịch, kết nối người bán người mua và từ đó định giá niêm yết.

Thứ tư là rủi ro bị thao túng thông tin

Đây là nguy cơ đã từng phát sinh tại các khu vực áp dụng GTHL. Việc ước tính thông tin kế toán không phát sinh từ hoá đơn phát sinh, từ giao dịch thực tế sẽ làm gia tăng nguy cơ lạm dụng và thao túng

thông tin. Các doanh nghiệp ở các quốc gia đang phát triển còn những hạn chế về cơ chế và hệ thống tinh vi như kiểm soát nội bộ như các doanh nghiệp lớn ở các quốc gia phát triển để có thể giám sát quá trình định giá. Thậm chí nếu các doanh nghiệp có thiện chí, vẫn có những khó khăn để hệ thống vận hành giám sát doanh nghiệp. Tại các quốc gia đang phát triển, nhiều thị trường vẫn chưa hoạt động hiệu quả, ví dụ các giao dịch chưa được tích cực hoặc giá đặt bán và đặt mua chênh lệch quá xa; thậm chí giá thị trường bị thao túng bởi 1 số người tham gia thị trường và có số lượng giao dịch hạn chế.

Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy các doanh nghiệp ở các nước đang phát triển có khuynh hướng tham gia vào phần lớn các giao dịch với các bên liên quan. Do đó, khó có thể xác định được giá trị hợp lý trong các giao dịch này. Các hoạt động niêm yết trên thị trường có thể không dựa trên các giao dịch tương tác thực tế. Điều này có thể do chính phủ kiểm soát thị trường, hoặc can thiệp vào hoạt động thị trường.

Thứ năm, vấn đề thi hành pháp lý yếu kém

Tại các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam cơ chế pháp lý về Chuẩn mực kế toán không vận hành như các quốc gia phát triển, khi chế độ kế toán và các quy định pháp lý về thuế, tài chính và quản lý ngành vẫn được coi là chi phối doanh nghiệp. Do đó, các văn bản hướng dẫn kế toán giá trị hợp lý có thể mâu thuẫn và chông chéo với các văn bản chế độ kế toán hiện hành tại các quốc gia này. Các chuẩn mực IFRS thông thường chỉ cung cấp các nguyên tắc kế toán liên quan đối tượng cụ thể. Do đó, cần có việc ban hành chuẩn mực riêng về giá trị hợp lý cũng như hướng dẫn kế toán có liên quan.

Các doanh nghiệp nhỏ thường có mối bận tâm lớn rằng việc áp dụng đo lường giá trị hợp lý có thể hiển báo cáo thu nhập, vốn dễ bị biến động. Họ không ưa thích việc báo cáo biến động như vậy, có thể gây ảnh hưởng đến sự tiếp cận nguồn vốn hoặc tiếp cận với các khách hàng tiềm năng.

3. Kết luận và đề xuất giải pháp áp dụng giá trị hợp lý ở Việt Nam

Dựa trên những khó khăn và thách thức trên, tác giả đề xuất cần thực hiện các giải pháp sau để góp phần thực hiện áp dụng giá trị hợp lý ở Việt Nam:

Hoàn thiện chuẩn mực kế toán liên quan đến giá trị hợp lý cho các đơn vị cụ thể

Hiện nay, nhiều quốc gia đang phát triển vẫn chưa có hệ thống chuẩn mực kế toán đầy đủ hoặc phù hợp để áp dụng giá trị hợp lý tổng khi đó việc áp dụng kế toán theo cơ sở giá này đòi hỏi những chi phí và

nguồn lực cần thiết. Do đó, việc hoàn thiện các chuẩn mực kế toán theo hướng tiệm cận IFRS là cần thiết và phù hợp với điều kiện của các đơn vị. Do đó cần thực hiện song song các giải pháp như:

+ Cập nhật và ban hành các chuẩn mực kế toán phù hợp với IFRS 13 - Giá trị hợp lý, đảm bảo tính nhất quán và đồng bộ với các chuẩn mực liên quan như IFRS 9 (Công cụ tài chính), phiên bản này có thể áp dụng cho các đơn vị có lợi ích công chúng và các đơn vị quy mô lớn, có niêm yết trên thị trường chứng khoán. Trong đó, cần có những quy định và yêu cầu các doanh nghiệp niêm yết công bố rõ ràng phương pháp xác định giá trị hợp lý, bao gồm cấp độ đo lường (Level 1, 2, 3 theo IFRS 13). Ngoài ra, cần bắt buộc thuyết minh chi tiết về các giả định quan trọng khi sử dụng mô hình định giá, giúp hạn chế sự thiếu minh bạch và tăng cường khả năng kiểm tra của các bên liên quan.

+ Xây dựng hệ thống thuật ngữ và hướng dẫn chi tiết để giúp doanh nghiệp và kiểm toán viên hiểu rõ về phương pháp đo lường giá trị hợp lý

+ Hoàn thiện chế độ kế toán doanh nghiệp cho các đơn vị còn lại theo hướng phù hợp với quy định kế toán quốc tế, với những hướng dẫn chi tiết và phù hợp với quy mô và điều kiện của các doanh nghiệp này.

Cung cấp thêm các hướng dẫn chi tiết hơn về kế toán giá trị hợp lý

Một trong những khó khăn lớn khi áp dụng giá trị hợp lý là sự thiếu rõ ràng trong cách xử lý kế toán. Để khắc phục vấn đề này, Việt Nam và các quốc gia đang phát triển cần phát triển tài liệu hướng dẫn cụ thể về cách áp dụng giá trị hợp lý trong các lĩnh vực khác nhau, bao gồm bất động sản, công cụ tài chính và tài sản vô hình. Cần phát triển và xây dựng bộ tài liệu tham khảo với các tình huống thực tế giúp kế toán viên và kiểm toán viên có cơ sở áp dụng linh hoạt nhưng vẫn tuân thủ chuẩn mực.

Ngoài ra, Bộ Tài chính cần tổ chức thêm các khóa đào tạo, hội thảo chuyên môn về giá trị hợp lý nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng thực hành.

Hoàn thiện các yếu tố của thị trường để hỗ trợ định giá theo giá trị hợp lý

Do việc ước tính giá trị hợp lý cần căn cứ vào các yếu tố thị trường, nên một thị trường hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin giá trị hợp lý. Do đó, Việt Nam cũng như các quốc gia đang phát triển cần tiếp tục thúc đẩy tính minh bạch và hoạt động hiệu quả của thị trường tài chính, bất động sản và các loại tài sản khác. Thêm vào đó, cần hạn chế tình trạng thông tin bất cân xứng bằng cách yêu cầu công bố dữ

liệu giao dịch một cách công khai hơn. Hiện nay, một trong những trở ngại lớn đối với việc áp dụng giá trị hợp lý tại các nước đang phát triển là sự thiếu hụt dữ liệu đáng tin cậy. Do đó, việc xây dựng cơ chế kiểm soát nhằm hạn chế sự thao túng giá trên thị trường, giúp các mức giá phản ánh chính xác giá trị hợp lý.

Hoàn thiện các quy định liên quan, thẩm định viên tài sản và kiểm toán viên bên ngoài

Để đảm bảo việc áp dụng giá trị hợp lý được thực hiện chính xác và đáng tin cậy, cần có các quy định chặt chẽ hơn đối với các bên liên quan. Với doanh nghiệp cần ban hành các quy định cụ thể về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc xác định giá trị hợp lý, bao gồm yêu cầu thuê thẩm định viên độc lập đối với tài sản có mức độ phức tạp cao. Cần xây dựng và hoàn thiện thêm các tiêu chuẩn hành nghề thẩm định giá một cách rõ ràng, yêu cầu các thẩm định viên phải có chứng chỉ chuyên môn và tuân thủ quy trình thẩm định nghiêm ngặt. Đối với các kiểm toán viên, cần có thêm các hướng dẫn cụ thể để kiểm toán viên có thể đánh giá tính hợp lý của các báo cáo tài chính sử dụng giá trị hợp lý, từ đó nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin tài chính.

Kết luận

Chủ đề giá trị hợp lý và đo lường giá trị hợp lý vẫn Giá trị hợp lý được coi là dân án đặc biệt của Ủy ban chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế trong quá trình phát triển và sự phổ biến rộng khắp của chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Tuy nhiên, trong quá trình lịch sử của mình, có những giai đoạn giá trị hợp lý cũng được đánh giá là chưa “hợp lý” và phù hợp. Việc hoàn thiện nội dung xác định và kế toán giá trị hợp lý được cho là một trong những phần quan trọng trong chương trình hài hòa kế toán giữa US GAAP và IAS/IFRS, và việc áp dụng giá trị hợp lý được coi là đòi hỏi nhiều thách thức với các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Do đó, cần có thêm các nghiên cứu về phương pháp áp dụng phù hợp cơ sở đo lường này trong điều kiện bối cảnh đặc thù của Việt Nam. Một trong những phương thức cần xem xét là sự áp dụng phân tầng, kết hợp lựa chọn phù hợp cho các loại hình doanh nghiệp Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Bostwick, E. (2010). *An Analysis of The Fair Value Controversy*. Florida: The Journal of Finance and Accountancy.
- Georgiou, O., & Jack, L. (2011). *In pursuit of legitimacy: A history behind fair value accounting*. The British Accounting Review, 43(4), 311-323.
- IFRS foundation (2023), truy cập tại <https://www.ifrs.org/>
- Livne, G., & Markarian, G. (Eds.). (2018). *The Routledge companion to fair value in accounting*.
- Power, M. (2010). *Fair value accounting, financial economics and the transformation of reliability*. Accounting and Business Research, 40(3), 197-210.
- Richard, J. (2004). *The secret past of fair value: lessons from history applied to the French case*. Accounting in Europe, No.1, pp.95-107